HIỆP ĐỊNH
VỀ
CỬA KHẨU VÀ QUY CHẾ QUẢN LÝ CỬA KHẨU BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - TRUNG QUỐC
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (sau đây gọi tắt là hai Bên);

Nhằm củng cố và phát triển hơn nữa quan hệ láng giềng hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước, thúc đẩy phát triển thương mại và qua lại của nhân dân hai nước;

Căn cứ quy định tại Điều 23, Chương VI của "Hiệp định về quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa";

Trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, thỏa thuận như sau:

Điều 1

Trong Hiệp định này, hai Bên sử dụng các thuật ngữ sau:

1. "Cửa khẩu biên giới" và "cửa khẩu" có nghĩa như nhau, là chỉ khu vực được xác định ở hai bên biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc dành cho người, hàng hóa, vật phẩm, phương tiện giao thông vận tải trực tiếp xuất - nhập cảnh tại khu vực nhất định, bao gồm cửa khẩu song phương và cửa khẩu quốc tế. Căn cứ theo tính chất có thể chia ra cửa khẩu đường bộ, cửa khẩu đường sắt và cửa khẩu đường thuỷ.

Cửa khẩu song phương là cửa khẩu được mở cho người, phương tiện giao thông vận tải, hàng hoá, vật phẩm của hai Bên xuất, nhập cảnh qua biên giới.

Cửa khẩu quốc tế là cửa khẩu được mở cho người, phương tiện giao thông vận tải, hàng hoá, vật phẩm của hai Bên và nước thứ ba (khu vực) xuất, nhập cảnh qua biên giới.

2. "Vùng biên giới" là chỉ khu vực hành chính cấp huyện của hai bên nằm tiếp giáp hai bên đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc.

3. "Cư dân biên giới" là chỉ dân cư thường trú của mỗi nước thuộc xã (trấn) nằm tiếp giáp hai bên đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc.

4. "Trường hợp bất khả kháng" là trường hợp xảy ra do khách quan không thể dự đoán được, không thể tránh được và không thể khắc phục được.

5. "Cơ quan kiểm tra kiểm nghiệm cửa khẩu" là chỉ Bộ đội Biên phòng, hải quan, kiểm dịch y tế, kiểm dịch động - thực vật tại cửa khẩu của phía Việt Nam và cơ quan kiểm tra biên phòng, hải quan, kiểm nghiệm kiểm dịch tại cửa khẩu của phía Trung Quốc.

Điều 2

1. Hai Bên xác nhận các cặp cửa khẩu sau đã mở trên vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc:

Tên cửa khẩu Việt Nam	Tên cửa khẩu Trung Quốc
Ma Lù Thàng	Kim Thủy Hà
Lào Cai (đường bộ)	Hà Khẩu (đường bộ)
Lào Cai (đường sắt)	Hà Khẩu (đường sắt)
Thanh Thủy	Thiên Bảo
Trà Lĩnh	Long Bang
Tà Lùng	Thủy Khẩu
Đồng Đăng (đường sắt)	Bằng Tường (đường sắt)
Hữu Nghị	Hữu Nghị Quan
Móng Cái	Đông Hưng

2. Hai Bên thoả thuận các cặp cửa khẩu sau sẽ được mở khi có đủ điều kiện, thời gian và thể thức mở cụ thể sẽ do hai Bên thoả thuận qua đường ngoại giao. Trước khi mở chính thức các cặp cửa khẩu này, việc xuất - nhập cảnh tại các khu vực đó của người, hàng hoá, vật phẩm và phương tiện giao thông vận tải đều phải căn cứ các quy định kiểm tra, kiểm nghiệm theo pháp luật của mỗi Bên và các quy định liên quan do hai Bên thoả thuận.

Tên cửa khẩu Việt Nam	Tên cửa khẩu Trung Quốc
A Pa Chải	Long Phú
U Ma Tu Khoàng	Bình Hà
Mường Khương	Kiều Đầu
Xín Mần	Đô Long
Phó Bảng	Đổng Cán
Săm Pun	Điền Bồng
Sóc Giang	Bình Mãng
Pò Peo	Nhạc Vu
Lý Vạn	Thạc Long
Hạ Lang	Khoa Giáp
Bình Nghi	Bình Nhi Quan
Chi Ma	Ái Điểm
Hoành Mô	Động Trung

3. Vị trí, loại hình, thời gian mở và thời gian làm việc của các cặp cửa khẩu biên giới nêu tại Khoản 1 của Điều này được quy định cụ thể trong Phụ lục kèm theo.

4. Việc mở chính thức, mở mới, đóng của các cặp cửa khẩu biên giới sẽ thoả thuận thông qua đường ngoại giao. Văn bản thỏa thuận có liên quan sẽ trở thành văn bản bổ sung của Hiệp định này.

5. Trong trường hợp bất khả kháng hoặc các yêu cầu đặc biệt khác, hai Bên có thể mở đường qua lại tạm thời. Việc mở đường qua lại tạm thời do chính quyền địa phương cấp tỉnh (khu tự trị) ở vùng biên giới hai nước hiệp thương thống nhất trước và phải được sự đồng ý của Chính phủ hai Bên, sau đó thông qua đường ngoại giao để xác định.

Người, hàng hoá, vật phẩm, phương tiện giao thông vận tải khi xuất - nhập cảnh tại đường qua lại tạm thời đều phải căn cứ các quy định kiểm tra, kiểm nghiệm theo pháp luật của mỗi Bên và các quy định liên quan do hai Bên thoả thuận.

Điều 3

1. Cửa khẩu song phương được mở cho người mang hộ chiếu hoặc giấy tờ thay thế khác còn hiệu lực của hai Bên, người mang Giấy thông hành xuất - nhập cảnh vùng biên giới, hàng hóa, vật phẩm, phương tiện giao thông vận tải; cửa khẩu quốc tế được mở cho người mang hộ chiếu hoặc giấy tờ thay thế khác còn hiệu lực của hai Bên, người mang Giấy thông hành xuất - nhập cảnh vùng biên giới hoặc người mang hộ chiếu hoặc giấy tờ thay thế khác còn hiệu lực của nước (khu vực) thứ ba, hàng hóa, vật phẩm, phương tiện giao thông vận tải; về thị thực cho người, căn cứ vào các thỏa thuận liên quan của hai Bên để thực hiện.

Người, hàng hoá, vật phẩm, phương tiện giao thông vận tải xuất nhập qua biên giới phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan kiểm tra kiểm nghiệm tại cửa khẩu.

2. Việc cấp và sử dụng Giấy thông hành xuất - nhập cảnh vùng biên giới thực hiện theo "Hiệp định về quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa".

Điều 4

1. Trong thời gian làm việc của các cửa khẩu biên giới, cơ quan kiểm tra kiểm nghiệm cửa khẩu hai Bên căn cứ quy định pháp luật của mỗi nước để thực hiện chức năng, quyền hạn của mình. Khi cần thiết, cơ quan kiểm tra kiểm nghiệm cửa khẩu của hai Bên có thể ký kết các thoả thuận riêng để đơn giản hóa thủ tục kiểm tra, kiểm nghiệm.

2. Cơ quan kiểm tra kiểm nghiệm cửa khẩu hai Bên có thể tiến hành hội đàm, gặp gỡ và trao đổi nghiệp vụ.

3. Hai Bên cần căn cứ các quy định hữu quan của cơ quan kiểm tra kiểm nghiệm cửa khẩu Bên mình, thông báo cho nhau các thông tin về chủng loại, giá trị và số lượng vật phẩm, chủng loại tiền và số lượng tiền mặt của cá nhân mang theo khi xuất - nhập cảnh và các quy định liên quan khác về kiểm tra, kiểm nghiệm.

4. Phương tiện giao thông vận tải chở theo người, hàng hóa và các vật phẩm khác được quy định trong các thoả thuận liên quan khác giữa hai Bên, sau khi đi vào lãnh thổ của phía Bên kia phải đi theo các tuyến đường được cơ quan hữu quan của hai Bên thỏa thuận; người, hàng hoá hoặc vật phẩm khác do các phương tiện giao thông vận tải nêu trên chuyên chở phải được xuống, bốc dỡ tại các bến, bãi chỉ định; đồng thời, chịu sự giám sát, quản lý của các cơ quan kiểm tra kiểm nghiệm của phía Bên kia.

5. Việc quản lý người, phương tiện giao thông vận tải xuất - nhập cảnh do cơ quan hữu quan của hai Bên căn cứ Hiệp định này thoả thuận.

6. Để thực hiện quyền và nghĩa vụ nêu trong "Hiệp định về quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa" và các Hiệp định, thoả thuận khác mà hai Bên đã ký kết, trong thời gian đóng cửa khẩu, Đại diện biên giới, Phó Đại diện biên giới, Trợ lý Đại diện biên giới và các nhân viên công tác khác của hai Bên sau khi được cơ quan kiểm tra kiểm nghiệm hai Bên trao đổi đồng ý, có thể mang theo giấy tờ được hai Bên xác nhận để xuất - nhập cảnh qua cửa khẩu.

Điều 5

1. Các cửa khẩu biên giới đã mở chính thức làm việc tất cả các ngày trong tuần, kể cả trong các ngày nghỉ lễ theo luật định của hai Bên, trừ khi hai Bên có thỏa thuận khác.

Thời gian làm việc của các cửa khẩu đường sắt thực hiện theo giờ tàu chạy do hai Bên thỏa thuận.

2. Trong trường hợp đặc biệt phải đóng cửa khẩu hoặc tạm thời mở cửa khẩu ngoài thời gian làm việc, hai Bên cần phải thông báo và trao đổi thống nhất với nhau qua đường ngoại giao trước ít nhất 5 ngày. Việc mở lại cửa khẩu cần phải thông báo cho phía Bên kia qua đường ngoại giao và phải được phía Bên kia xác nhận.

3. Để bảo vệ lợi ích xã hội, an ninh quốc gia hoặc vì lý do thiên tai nghiêm trọng, dịch bệnh truyền nhiễm lớn, dịch bệnh động thực vật và các trường hợp bất khả kháng khác, một Bên có thể tạm thời đóng hoặc hạn chế việc qua lại cửa khẩu. Tuy nhiên, cần phải thông báo cho phía Bên kia trước 5 ngày, trong trường hợp khẩn cấp không được ít hơn 24 giờ.

4. Việc thay đổi vị trí, loại hình, thời gian mở và thời gian làm việc ở các cửa khẩu biên giới đã được mở cần thông qua chính quyền cấp tỉnh (khu tự trị) ở vùng biên giới hai nước hiệp thương thống nhất và phải được sự đồng ý của Chính phủ hai Bên; đồng thời, thông qua đường ngoại giao để xác định. Văn bản thỏa thuận liên quan sẽ trở thành văn bản bổ sung của Hiệp định này.

5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, không Bên nào được quyền đơn phương đóng cửa khẩu nếu chưa được Bên kia đồng ý; nếu một Bên đơn phương đóng cửa khẩu gây thiệt hại cho phía Bên kia, hai Bên sẽ thông qua đường ngoại giao hiệp thương giải quyết các vấn đề liên quan.

Điều 6

Người của Bên này khi xuất cảnh qua cửa khẩu biên giới sang phía Bên kia phải tuân thủ pháp luật của phía Bên kia, cũng như các quy định hữu quan do hai Bên thoả thuận. Các Bên cần bảo vệ quyền lợi chính đáng của người nhập cảnh vào Bên mình.

Điều 7

Việc thiết kế và xây dựng công trình cửa khẩu cần xem xét đến nhu cầu phát triển của cửa khẩu trong tương lai.

Điều 8

Cơ quan kiểm tra kiểm nghiệm cửa khẩu hai Bên có thể thiết lập cơ chế liên hệ đối đẳng về các vấn đề cửa khẩu biên giới liên quan.

Những vấn đề cơ quan kiểm tra kiểm nghiệm cửa khẩu hai Bên, trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình không thể giải quyết được, cần thông qua đường ngoại giao để giải quyết.

Điều 9

Hiệp định này không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ phát sinh trong các điều ước quốc tế khác mà hai Bên ký kết.

Điều 10

Đối với những bất đồng do giải thích hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện Hiệp định này, hai Bên sẽ thông qua đường ngoại giao bàn bạc giải quyết.

Điều 11

Trong thời gian Hiệp định này có hiệu lực, sau khi hai Bên hiệp thương thống nhất có thể tiến hành sửa đổi, bổ sung Hiệp định này.

Để thực thi hiệu quả Hiệp định, hai Bên sẽ xây dựng cơ chế thực hiện Hiệp định này.

Điều 12

Hai Bên sẽ thông báo cho nhau bằng văn bản qua đường ngoại giao về việc đã hoàn thành các thủ tục pháp lý trong nước để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực sau 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo cuối cùng.

Hiệp định này có giá trị trong thời gian 10 năm, nếu 06 tháng trước khi Hiệp định hết hạn, không Bên nào thông báo bằng văn bản ý định chấm dứt hiệu

lực của Hiệp định cho phía Bên kia thì Hiệp định này sẽ tự động kéo dài thêm 10 năm và cứ tiếp tục như vậy.

Ký tại Bắc Kinh, ngày 18 tháng 11 năm 2009, thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Trung, cả hai văn bản đều có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	**ĐẠI DIỆN CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA**
Hồ Xuân Sơn	**Vũ Đại Vĩ**

Phụ lục

VỊ TRÍ, LOẠI HÌNH, THỜI GIAN MỞ, THỜI GIAN LÀM VIỆC CỦA CỬA KHẨU BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

---

1. Ma Lù Thàng – Kim Thủy Hà

Cửa khẩu này nằm gần mốc giới số 66 trên biên giới Việt - Trung. Hai bên cửa khẩu là xã Ma Ly Pho, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, Việt Nam và thị trấn Kim Thủy Hà, huyện Kim Bình, châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

Cửa khẩu này là cửa khẩu song phương. Thời gian làm việc phía Việt Nam là 7h00 - 17h00 giờ Hà Nội. Thời gian làm việc phía Trung Quốc là 8h00 - 18h00 giờ Bắc Kinh.

2. Lào Cai (đường bộ) - Hà Khẩu (đường bộ)

Cửa khẩu này nằm gần mốc giới số 102, 103 trên biên giới Việt - Trung. Hai bên cửa khẩu là thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam và thị trấn Hà Khẩu, huyện Hà Khẩu, châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

Cửa khẩu này là cửa khẩu quốc tế. Thời gian làm việc phía Việt Nam là 7h00 -22h00 giờ Hà Nội. Thời gian làm việc phía Trung Quốc là 8h00 - 23h00 giờ Bắc Kinh.

3. Lào Cai (đường sắt) - Hà Khẩu (đường sắt)

Cửa khẩu này nằm gần mốc giới số 102, 103 trên biên giới Việt - Trung. Hai bên cửa khẩu là thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam và thị trấn Hà Khẩu, huyện Hà Khẩu, châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

Cửa khẩu này là cửa khẩu quốc tế.

4. Thanh Thủy – Thiên Bảo

Cửa khẩu này nằm gần mốc giới số 261 trên biên giới Việt - Trung. Hai bên cửa khẩu là xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, Việt Nam và thị trấn Thiên Bảo, huyện Ma Ly Pho, châu Văn Sơn, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

Cửa khẩu này là cửa khẩu song phương. Thời gian làm việc phía Việt Nam là 7h00 - 17h00 giờ Hà Nội. Thời gian làm việc phía Trung Quốc là 8h00 - 18h00 giờ Bắc Kinh.

5. Trà Lĩnh – Long Bang

Cửa khẩu này nằm gần mốc giới số 741, 742 trên biên giới Việt - Trung. Hai bên cửa khẩu là thị trấn Trà Lĩnh, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam và thị trấn Long Bang, huyện Tĩnh Tây, thành phố Bách Sắc, Khu Tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc.

Cửa khẩu này là cửa khẩu song phương. Thời gian làm việc phía Việt Nam là 7h00 - 17h00 giờ Hà Nội. Thời gian làm việc phía Trung Quốc là 8h00 - 18h00 giờ Bắc Kinh.

6. Tà Lùng – Thủy Khẩu

Cửa khẩu này nằm gần mốc giới số 943 trên biên giới Việt - Trung. Hai bên cửa khẩu là thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam và thị trấn Thủy Khẩu, huyện Long Châu, thành phố Sùng Tả, Khu Tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc.

Cửa khẩu này là cửa khẩu song phương. Thời gian làm việc phía Việt Nam là 7h00 - 16h00 giờ Hà Nội. Thời gian làm việc phía Trung Quốc là 8h00 - 17h00 giờ Bắc Kinh.

7. Hữu Nghị - Hữu Nghị Quan

Cửa khẩu này nằm gần mốc giới số 1116, 1117 trên biên giới Việt - Trung. Hai bên cửa khẩu là thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam và thị trấn Hữu Nghị, thành phố Bằng Tường, thành phố Sùng Tả, Khu Tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc.

Cửa khẩu này là cửa khẩu quốc tế. Thời gian làm việc phía Việt Nam là 7h00 - 19h00 giờ Hà Nội (hàng hóa xuất - nhập khẩu trước 16h30). Thời gian làm việc phía Trung Quốc là 8h00 - 20h00 giờ Bắc Kinh (hàng hóa xuất - nhập khẩu trước 17h30).

8. Đồng Đăng (đường sắt) – Bằng Tường (đường sắt)

Cửa khẩu này nằm gần mốc giới số 1121, 1122 trên biên giới Việt - Trung. Hai bên cửa khẩu là thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam và thị trấn Hữu Nghị, thành phố Bằng Tường, Khu Tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc.

Cửa khẩu này là cửa khẩu quốc tế.

9. Móng Cái – Đông Hưng

Cửa khẩu này nằm gần mốc giới số 1369 trên biên giới Việt - Trung. Hai bên cửa khẩu là thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam và thành phố Đông Hưng, thành phố cảng Phòng Thành, Khu Tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc.

Cửa khẩu này là cửa khẩu quốc tế. Thời gian làm việc phía Việt Nam là 7h00 -19h00 giờ Hà Nội. Thời gian làm việc phía Trung Quốc là 8h00 - 20h00 giờ Bắc Kinh.

越南社会主义共和国政府和中华人民共和国政府关于越中陆地边境口岸及其管理制度的协定

越南社会主义共和国政府和中华人民共和国政府（以下简称双方），为进一步巩固和发展两国人民的传统睦邻友好关系，促进两国贸易发展和人员往来，根据《越南社会主义共和国政府和中华人民共和国政府关于越中陆地边界管理制度的协定》第六章第二十三条的规定，在平等互利原则的基础上达成协议如下：

第 一 条

在本协定中，双方使用以下定义：

一、“边境口岸”和“口岸”具有相同的意义，是指位于中越陆地边界两侧，供人员、货物、物品和交通运输工具直接出入境的特定区域，包括双边性口岸和国际性口岸。根据其性质亦可分为公路口岸、铁路口岸和水运口岸。

双边性口岸是指允许双方人员、货物、物品和交通运输工具出入境的口岸。

国际性口岸是指允许双方以及第三国（地区）的人员、货物、物品和交通运输工具出入境的口岸。

二、“边境地区”，是指毗邻中越陆地边界线两侧的双方县级行政区。

三、“边民”，是指毗邻中越陆地边界线两侧乡（镇）的本国常住居民。

四、“不可抗力”，是指不能预见、不能避免并不能克服的客观情况。

五、“口岸检查检验部门”，是指中方口岸的边防检查、海关、检验检疫部门和越方口岸的边防部队、海关、卫生检疫、动植物检疫部门。

第 二 条

一、双方确定中越边境地区已开放下列口岸：

中华人民共和国方面		越南社会主义共和国方面
金水河	——	马鹿塘
河　口（公路）	——	老　街（公路）
河　口（铁路）	——	老　街（铁路）
天　保	——	清　水
龙　邦	——	茶　岭
水　口	——	驮　隆
凭　祥（铁路）	——	同　登（铁路）

友谊关——————————友　谊

东　兴——————————芒　街

二、双方同意下列口岸在条件具备时开放，具体开放时间和办法通过外交途径商定。下列口岸正式开放之前，出入境的人员、货物、物品和交通运输工具均应按照本国法律和双方协议的有关规定接受检查检验。

中华人民共和国方面		越南社会主义共和国方面
龙　富	——	阿巴寨
坪　河	——	乌马都洪
桥　头	——	猛　康
都　龙	——	箐　门
董　干	——	普　棒
田　蓬	——	上　蓬
平　孟	——	朔　江
岳　圩	——	坡　标
硕　龙	——	里　板
科　甲	——	下　琅
平而关	——	平　宜
爱　店	——	峙　马
峒　中	——	横　模

三、本条第一款所述边境口岸的位置、类型、开放时间和工

作时间，在附件中具体规定。

四、正式开放边境口岸、开辟新的边境口岸和关闭边境口岸，应通过外交途径商定。有关协议文件成为本协定的补充文件。

五、如遇有不可抗力或其他特别需要，双方可开放临时通道。

临时通道的开放应先由两国边境地区所在省（自治区）级政府协商一致，经本国政府同意并通过外交途径确定。

临时通道的出入境人员、货物、物品和交通运输工具均应按照本国法律和双方协议的有关规定接受检查检验。

第 三 条

一、双边性口岸对持有双方有效护照或其代用证件、边境地区出入境通行证的人员、货物、物品和交通运输工具开放；国际性口岸对持有双方有效护照或其代用证件、边境地区出入境通行证的人员、货物、物品和交通运输工具开放，并对持有第三国（地区）有效护照或其代用证件的人员、货物、物品和交通运输工具开放。人员签证事宜，按双方有关协议执行。

出入境人员、货物、物品和交通运输工具应接受口岸检查检验部门的查验。

二、边境地区出入境通行证的发放和使用按照《中华人民共和国政府和越南社会主义共和国政府关于中越陆地边界管理制度的协定》执行。

第 四 条

一、边境口岸开放期间，双方口岸检查检验部门根据各自国家的法律及法规行使职权。必要时，双方口岸检查检验部门可就简化查验程序签订专门协议。

二、双方口岸检查检验部门可进行对口的会谈、会晤和业务联系。

三、双方应根据各自口岸检查检验部门的有关法规，相互通报出入境人员随身携带自用物品的种类、价值和数量、货币的种类和数额以及检查检验的其他相关规定。

四、双方其他相关协议中规定的载有边境贸易人员、货物及其他物品的交通运输工具经口岸进入另一方境内后，须按双方有关主管部门商定的路线行驶，其所载人员、货物、物品须在指定的站点或货场下客、卸货，并接受另一方检查检验部门的监管。

五、出入境人员和交通运输工具的管理办法，由双方有关主管部门根据本协定商定。

六、为履行《中华人民共和国政府和越南社会主义共和国政府关于中越陆地边界管理制度的协定》和双方已签订的其它协定、协议赋予的权利和义务，双方边界代表、副代表、代表助手和其他工作人员，在口岸关闭期间可经双方口岸检查检验部门协商同意后，持双方确认的证件通过口岸出入境。

第 五 条

一、已正式开放的各边境口岸在双方法定节假日期间不关闭，除非双方另有协议规定。

铁路口岸工作时间按双方商定的铁路运行时刻表执行。

二、如遇特殊情况需关闭口岸或在工作时间之外临时开放口岸，双方应通过外交途径至少提前5天相互通知并协商一致。恢复开放须通过外交途径通知另一方并得到确认。

三、出于维护社会公共利益和国家安全的考虑，或由于发生严重的自然灾害、重大传染病和动植物疫情及其他不可抗力的原因，一方可临时关闭口岸或限制口岸通行。但应提前5天，紧急情况下不少于24小时通知另一方。

四、改变现有边境口岸的位置、类型、开放时间和工作时间，应经两国边境地区所在省（自治区）级政府协商一致，经本国政府同意并通过外交途径确定。有关协议文件成为本协定的补充文件。

五、除本条第三款规定的情况外，未经另一方同意，任何一方不得单方面关闭口岸。如遇上述情况致使对方蒙受损失，双方应通过外交途径协商解决有关问题。

第 六 条

一方通过边境口岸出境的人员在对方境内活动时，须遵守对方的法律和双方制定的有关规定。

一方对另一方入境人员的正当权益应给予保护。

第 七 条

口岸设施的设计和建设应考虑口岸未来发展需求。

第 八 条

双方口岸检查检验部门可就有关边境口岸问题建立对等联系机制。

双方口岸检查检验部门在职权范围内未能解决的问题，应通过外交途径解决。

第 九 条

本协定不影响双方签订的其他国际条约中所产生的权利和义务。

第 十 条

本协定解释或执行过程中如遇分歧，双方将通过外交途径协商解决。

第 十一 条

在本协定有效期内，经双方协商一致，可对本协定进行修改或补充。

为有效实施本协定，双方将建立协定执行机制。

第 十二 条

本协定须经双方各自履行协定生效所需的国内法律程序并通过外交途径相互书面通知，并自最后一份书面通知书发出之日起第30天生效。

本协定有效期10年。如一方未在协定期满前6个月书面通知另一方要求终止本协定，则本协定将自动延长10年，并依此法顺延。

本协定于二〇〇九年 11 月 18 日在北京签订，一式两份，每份均用中文和越文写成，两种文本同等作准。

越南社会主义共和国政府
代　　表

（胡春山）

中华人民共和国政府
代　　表

（武大伟）

附　件：

中越陆地边境口岸的
位置、类型、开放时间和工作时间

1、金水河—马鹿塘

该口岸位于中越边界66号界标附近。口岸两侧分别为中国云南省红河州金平县金水河镇和越南莱州省封土县麻栗坡乡。

该口岸为双边性口岸。中方工作时间为北京时间08：00—18：00，越方工作时间为河内时间07：00—17：00。

2、河口（公路）—老街（公路）

该口岸位于中越边界102和103号界标附近。口岸两侧分别为中国云南省红河州河口县河口镇和越南老街省老街市。

该口岸为国际性口岸。中方工作时间为北京时间08：00—23：00，越方工作时间为河内时间07：00—22：00。

3、河口（铁路）—老街（铁路）

该口岸位于中越边界102和103号界标附近。口岸两侧分别为中国云南省红河州河口县河口镇和越南老街省老街市。

该口岸为国际性口岸。

4、天保—清水

该口岸位于中越边界261号界标附近。口岸两侧分别为中国云南省文山州麻栗坡县天保镇和越南河江省渭川县清水乡。

该口岸为双边性口岸。中方工作时间为北京时间08：00—18：00，越方工作时间为河内时间07：00—17：00。

5、龙邦—茶岭

该口岸位于中越边界741和742号界标附近。口岸两侧分别为中国广西壮族自治区百色市靖西县龙邦镇和越南高平省茶岭县茶岭镇。

该口岸为双边性口岸。中方工作时间为北京时间08：00—18：00，越方工作时间为河内时间07：00—17：00。

6、水口—驮隆

该口岸位于中越边界943号界标附近。口岸两侧分别为中国广西壮族自治区崇左市龙州县水口镇和越南高平省复和县驮隆镇。

该口岸为双边性口岸。中方工作时间为北京时间08：00—17：00，越方工作时间为河内时间07：00—16：00。

7、友谊关—友谊

该口岸位于中越边界1116和1117号界标附近。口岸两侧分别为中国广西壮族自治区崇左市凭祥市友谊镇和越南谅山省高禄县同登镇。

该口岸为国际性口岸。中方工作时间为北京时间08：00—20：00（货物出入境于17：30前），越方工作时间为河内时间07：00—19：00（货物出入境于16：30前）。

8、凭祥（铁路）—同登（铁路）

该口岸位于中越边界1121和1122号界标附近。口岸两侧分别为中国广西壮族自治区崇左市凭祥市友谊镇和越南谅山省高禄县同登镇。

该口岸为国际性口岸。

9、东兴—芒街

该口岸位于中越边界1369号界标附近。口岸两侧分别为中国广西壮族自治区防城港市东兴市和越南广宁省芒街市。

该口岸为国际性口岸。中方工作时间为北京时间08：00—20：00，越方工作时间为河内时间07：00—19：00。

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Số 634 + 635 Ngày 16 tháng 11 năm 2010

MỤC LỤC

Trang

PHẦN II. CÁC VĂN BẢN KHÁC

BỘ NGOẠI GIAO

05-8-2010 - Sao lục số 36/2010/SL-LPQT 2

1. Hiệp định về quy chế quản lý biên giới trên đất liền giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa; 3

2. Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa; 50

3. Nghị định thư phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. 61